|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  | *……………………* |

**BÀI 6: CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG**

**Tiết 65- 66- 67**

**THÁNH GIÓNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Chủ đề của bài học: Chuyện về những người anh hùng.

- Tri thức Ngữ văn: Truyền thuyết, một số yếu tố của truyền thuyết.

- Một số yếu tố của truyện truyền thuyết được thể hiện trong văn bản “Thánh Gióng”:

- Công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng.

- Truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết chủ đề của bài học: Vẻ đẹp quê hương, đất nước.

+ Nhận biết truyền thuyết và một số yếu tố của truyền thuyết.

+ Xác định được chủ đề của truyện.

+ Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của truyền thuyết: tình huống điển hình của cốt truyện, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo…trong truyền thuyết *Thánh Gióng.*

+ Nhận xét, đánh giá về một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện trong lời kể truyền thuyết *Thánh Gióng.*

**3. Về phẩm chất:** Biết giữ gìn, phát huy truyền thống dựng nước, giữ nước và trân trọng các giá trị văn hóa của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình; xác định chủ đề bài học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, hướng HS đến nhiệm vụ của bài học.

- HS quan sát hình ảnh, đoán tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu hình ảnh, yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi:

+ *Có 4 hình ảnh là 4 loài vật xuất hiện trong 4 tác phẩm. Em hãy đoán xem đó là tác phẩm nào?*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nằm mơ thấy rùa đánh con gì? Báo điềm xấu hay tốt? - 188Loto |  |  | https://encrypted-tbn0.gstatic.com/images?q=tbn:ANd9GcRDmgGI3Z39_5pGPg-yM6JKn-o-RuBKVo935g&usqp=CAU |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, dự kiến câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ cá nhân.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Chủ đề của bài học: Chuyện về những người anh hùng.

- Tri thức Ngữ văn: Truyền thuyết, một số yếu tố của truyền thuyết.

**b. Nội dung:** GV sử PP dạy học khám phá để hướng dẫn HS tìm hiểu chủ đề của bài học và tri thức Ngữ văn.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv yêu cầu học sinh đọc câu thơ đề từ và đoạn giới thiệu bài học và hỏi:  *+ Chủ đề của bài học là gì?*  *+ Theo em, thế nào là người anh hùng?*  *+ Chủ đề được thể hiện qua thể loại chính nào?*  *+ Em hãy kể tên các văn bản có trong chủ đề?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK tìm câu trả lời.  - GV quan sát, định hướng.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **\* Giới thiệu bài học**  - Chủ đề: “Chuyện kể về những người anh hùng”  - Người anh hùng: là những người có phẩm chất cao quý, hay có những thành tích phi thường và cống hiến lớn lao cho cộng đồng  - Thể loại chính: truyền thuyết  - Văn bản:  + Thánh Gióng  + Sơn Tinh- Thủy Tinh  + Ai chơi mồng 9 tháng 4  + Bánh chưng, bánh giày |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv Tổ chức cho học sinh tìm hiểu Tri thức ngữ văn bằng cách tổ chức trò chơi “Ngôi sao may mắn". Có 8 ngôi sao may mắn trong trò chơi. Để có được các ngôi sao, học sinh phải trả lời đúng các câu hỏi.  *Câu 1: Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến…*  *Câu 2: Trong truyền thuyết thường có yếu tố…*  *Câu 3: Cốt truyện truyền thuyết được tác giả dân gian thường kể theo trình tự…*  *Câu 4: Truyền thuyết thường kể lại cuộc đời và …của nhân vật lịch sử*  *Câu 5: Nhân vật trong truyền thuyết thường là…*  *Câu 6: Nhân vật chính trong truyền thuyết lập nên những chiến công phi thường nhờ có sự hỗ trợ của cộng đồng và…*  *Câu 7: Lời kể của truyền thuyết cô đọng, mang sắc thái…*  *Câu 8: Cốt truyện truyền thuyết thường gắn với cuộc đời nhân vật chính, bao gồm mấy phần?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, đọc sách.  - GV hướng dẫn khai thác sách.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, chiếu phần tri thức về thể loại truyền thuyết.  - Hs tham gia trò chơi  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  \* Đáp án trò chơi:  Lịch sử;  Kì ảo  Thời gian  Chiến công  Người anh hùng  Tài năng xuất chúng  Trang trọng  Ba phần | **\* Tri thức Ngữ văn:**  **- Truyền thuyết**  Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên  quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.  **- Một số yếu tố của truyền thuyết**  + Truyền thuyết thường kể lại cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong tục, sản vật địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian.  + Truyền thuyết được kể theo mạch tuyến tính (có tinh chất nối tiếp, theo trình tự thời gian). Nội dung thường gồm ba phần gắn với cuộc đời của nhân vật chính: hoàn cảnh xuất hiện và thân thế; chiến công phi thường; kết cục.  + Nhân vật chính của truyền thuyết là những người anh hùng. Họ thường phải đối mặt với những thử thách to lớn, cũng là thử thách của cả cộng đồng. Họ lập nên những chiến công phi thường nhờ có tài năng xuất chúng và sự hỗ trợ của cộng đồng.  + Lời kể của truyền thuyết cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm gây ấn tượng về tính xác thực của câu chuyện.  - Yếu tố kỉ ảo (lạ và không có thật) xuất hiện đậm nét ở tất cả các phần nhằm tôn vinh, lí tưởng hoá nhân vật và chiến công của họ. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  + Chọn một truyền thuyết mà em đã đọc và hoàn thiện bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | *Yếu tố* | *Biểu hiện* | | Nhân vật |  | | Chiến công |  | | Cốt truyện |  | | Yếu tố lịch sử |  | | Yếu tố kì ảo |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS chọn một truyền thuyết bất kì, thảo luận cặp đôi hoàn thiện bảng.  - GV quan sát, định hướng.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý HS phân biệt truyền thuyết với lịch sử:  + Giống: đều phản ánh những sự kiện, nhân vật lịch sử.  + Khác: truyền thuyết là thể loại văn học; có yếu tố hư cấu, kì ảo, hoang đường; còn lịch sử phản ánh khách quan, chân thực... |  |

**Hoạt động 2: Đọc- hiểu văn bản “ Thánh Gióng”**

**a. Mục tiêu**:

- Xác định được chủ đề của truyện.

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của truyền thuyết: tình huống điển hình của cốt truyện, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo…trong truyền thuyết *Thánh Gióng.*

- Nhận xét, đánh giá về một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện trong lời kể truyền thuyết *Thánh Gióng.*

- Biết giữ gìn, phát huy truyền thống dựng nước, giữ nước và trân trọng các giá trị văn hóa của dân tộc.

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT dạy học hợp tác, hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Sản phẩm thảo luận và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** HDHS đọc- tìm hiểu chung  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV HDHS:  *+ Cách đọc, chiến lược đọc văn bản, chú ý các hộp chỉ dẫn; giải nghĩa một số từ ngữ khó.*  *+ Tóm tắt văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, tiến hành thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV đọc mẫu một đoạn, sau đó gọi HS đọc, giải nghĩa từ khó.  - HS khác theo dõi, hình dung theo hộp chỉ dẫn, tìm hiểu các chú thích, khai thác SGK để nêu xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác của văn bản.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, điều chỉnh cách đọc cho HS, chốt nội dung trên màn hình. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Chú thích**  - Thánh Gióng  - Làng Phù Đổng  - Phúc đức  - Ân  - Sứ giả  - Oai phong lẫm liệt  - Chết như ngả rạ  **3. Tóm tắt cốt truyện**  - Hai vợ chồng ông lão ao ước có một đứa con.  - Bà ra đồng thấy một vết chân to ướm thử.  - Bà sinh ra Gióng, lên ba vẫn không biết nói.  - Giặc Ân xâm lược, vua sai sứ giả rao tìm người tài cứu nước.  - Nghe tiếng rao, Gióng liền nói được và ngỏ lời xin đi đánh giặc.  - Gióng lớn nhanh như thổi, bà con làng xóm phải góp gạo nuôi.  - Vua cho mang ngựa sắt, roi sắt, giáp sắt đến, Gióng vươn vai cao hơn trượng, phi ngựa xông vào trận, giặc tan.  - Gióng cùng ngựa sắt lên núi Sóc Sơn và bay lên trời.  - Vua nhớ công ơn, lập đền thờ.  - Ngày nay, vẫn còn đền thờ ở làng Gióng, mở hội hàng năm, còn lưu lại nhiều dấu tích. |
| **\* Nhiệm vụ 2:** HDHS tìm hiểuchi tiết văn bản.  **2.1. Tìm hiểu sự ra đời của Thánh Gióng**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi:  *+ Nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu truyện?*  *+ Thánh Gióng đã ra đời kì lạ như thế nào?*  *+ Sự ra đời kì lạ đó báo hiệu hiệu điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS:  + Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  + Làm việc nhóm cặp 3’ (trao đổi, chia sẻ và thống nhất nội dung trả lời).  - GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động.  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Sự ra đời của Thánh Gióng**  - Thời gian: Đời Hùng Vương thứ 6.  - Địa điểm: Tại làng Gióng.  + bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai.  + mười hai tháng sau sinh một cậu bé....  + lên ba vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.  -> *Sự ra đời kì lạ, báo hiệu một con người phi thường* |
| **2.2. Tìm hiểu sự lớn lên của Thánh Gióng**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát PHT số 1 & giao nhiệm vụ:  *+ Chỉ ra ý nghĩa và nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết :*  *. Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc*  *. Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt*  *. Bà con dân làng góp gạo nuôi Gióng*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS:  + 2 phút làm việc cá nhân  + 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  - GV:  + Dự kiến KK: câu hỏi số 2  + Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách gợi dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV:  + Yêu cầu HS báo cáo, chia sẻ.  + Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  -HS: + Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  + Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | **2. Sự lớn lên của Thánh Gióng**   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết** | **Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết** | | Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc | -> Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn... | | + Nguyện vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ. | | + Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng. | | Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt | -> Vũ khí hiện đại. | | Bà con góp gạo nuôi Gióng | *->*Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân. | | |
| **2.3. Tìm hiểu Gióng bay về trời**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát PHT số 1 & giao nhiệm vụ:  *+ Chỉ ra ý nghĩa và nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết :*  *. Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ*  *. Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc*  *. Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS:  + 2 phút làm việc cá nhân  + 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  - GV:  + Dự kiến KK: câu hỏi số 2  + -Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ gợi dẫn (nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết đó?).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV:  + Yêu cầu HS báo cáo, chia sẻ.  + Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  - HS + Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  + Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | **3. Gióng bay về trời**   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết** | **Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết** | | Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ | -> sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước. | | Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc | -> Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước. | | Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời | -> Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh.  ***-*** Sự ra đi phi thường là ước muốn bất tử hoá Thánh Gióng | | | |
| **2.4. Tìm hiểu Gióng bay về trời**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV hỏi:  *+ Lời kể nào trong truyện Thánh Gióng hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân dự kiến câu trả lời.  - GV gợi ý, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời.  - HS khác lắng nghe,nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, KL. | **4. Những dấu tích còn lại**  - Đền thờ Phù Đổng Thiên Vương   * Bụi tre đằng ngà * Ao hồ liên tiếp * Làng Cháy    Thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng đánh giặc cứu nước. |
| **\* Nhiệm vụ 3:** HDHS tổng kết bài học  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn:  *+ Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*  *+ Chủ đề? Nội dung chính của văn bản?*  *+ Ý nghĩa của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm bàn, rút ra kết luận.  - GV gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm khái quát nội dung, ý nghĩa.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Chi tiết tưởng tượng kì ảo, khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường)  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  *- Nội dung*: Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta.  *- Ý nghĩa*: Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV sử dụng câu hỏi trắc nghiệm, hướng dẫn HS củng cố bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**. Nhân vật Thánh Gióng trong truyện Thánh Gióng theo tương truyền xuất hiện vào đời Hùng Vương thứ mấy?

**A. Đời Hùng Vương thứ sáu.**

B. Đời Hùng Vương thứ tám.

C. Đời Hùng Vương thứ mười sáu.

D. Đời Hùng Vương thứ mười tám.

**Câu 2**. Trong truyện Thảnh Gióng, cha mẹ Thánh Gióng là người thế nào?

A. Là hai vợ chồng lớn tuổi, phúc đức, giàu có nhưng không có con trai.

**B. Là hai vợ chồng lớn tuổi, hiếm muộn con nhưng chăm chỉ làm ăn và nổi tiếng là phúc đức.**

C. Là người hiếm muộn nhưng rất độc ác.

D. Là người phúc đức, nhân hậu và có nhiều con.

**Câu 3.** Câu nào dưới đây không nói về sự mang thai của bà mẹ và quá trình lớn lên của Thánh Gióng?

A. Bà mẹ ra đồng thấy vết chân to, liền đặt bàn chân của mình lên ướm thử để so sánh.

B. Bà mẹ mang thai và phải mất mười hai tháng mới sinh ra cậu bé khôi ngô tuấn tú.

**C. Trên đường đi làm đồng, trời nắng to, bà mẹ khát nước nên uống nước trong một cái sọ dừa ven đường và mang thai.**

D. Cậu bé lên ba tuổi vẫn không biết nói biết cười, không biết đi, cứ đặt đâu nằm đấy.

**Câu 4**. Trong truyện Thánh Gióng, cậu bé Gióng cất tiếng nói đầu tiên khi nào?

A. Khi Gióng được sáu tuổi và đòi đi chăn trâu.

B. Khi cha mẹ Gióng bị bệnh và qua đời.

C. Khi nghe sứ giả của nhà vua thông báo công chúa kén phò mã.

**D. Khi nghe sứ giả của nhà vua đi loan truyền tìm người tài giỏi cứu nước, phá giặc Ân.**

**Câu 5.** Thánh Gióng đòi nhà vua phải sắm cho mình những vật dụng gì để đi đánh giặc?

A. Một đội quân bằng sắt, một cái roi sắt và một áo giáp sắt.

B. Một đội quân bằng sắt, một áo giáp sắt và một cái nón sắt.

**C. Một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một áo giáp sắt.**

D. Một con ngựa sắt, một đội quân bằng sắt và một áo giáp sắt.

**Câu 6**. Khi Thánh Gióng gặp sứ giả, điều kì lạ nào đã xảy ra?

A. Gióng không cần ăn uống, lớn nhanh như thổi, trở thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú.

**B. Gióng lớn nhanh như thổi, cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã đứt chỉ.**

C. Gióng không nói năng gì, cứ lo âu suốt ngày.

D. Gióng không ăn uống gì nhưng vẫn lớn nhanh như thổi.

**Câu 7**. Chi tiết nào sau đây trong truyện Thánh Gióng không mang yếu tố tưởng tượng kì ảo?

**A. Vua Hùng cho sứ giả đi khắp nơi tìm người tài ra đánh giặc cứu nước.**

B. Người mẹ mang thai sau khi ướm chân vào một bàn chân to, sau đó mười hai tháng thì sinh ra Gióng.

C. Gióng lớn nhanh như thổi, ăn bao nhiêu cũng không thấy no.

D. Sau khi thắng giặc, Thánh Gióng cởi áo giáp sắt bỏ lại rồi cưỡi ngựa phi lên trời.

**Câu 8**. Trong truyện Thánh Gióng, sau khi roi sắt bị gãy, Thánh Gióng đã dùng vật gì để tiếp tục đánh giặc?

A. Gươm, giáo cướp được của quân giặc.

B. Dùng tay không.

**C. Nhổ những cụm tre ven đường để quật vào quân giặc.**

D. Cho ngựa phun lửa vào quân giặc.

**Câu 9**. Để ghi nhớ công ơn của Thánh Gióng, vua Hùng đã phong cho Thánh Gióng danh hiệu gì?

A. Đức Thánh Tản Viên.

B. Lưỡng quốc Trạng nguyên.

C. Bố Cái Đại Vương.

**D. Phù Đổng Thiên Vương.**

**Câu 10**. Câu nào dưới đây nói đúng nhất về nhân vật Thánh Gióng?

**A. Là nhân vật vừa được xây dựng dựa trên thực tế anh hùng trẻ tuổi trong lịch sử, vừa từ trí tưởng tượng bắt nguồn từ tinh thần yêu nước của nhân dân ta.**

B. Là nhân vật hoàn toàn không có thực, do nhân dân tưởng tượng ra.

C. Là nhân vật dược xây dựng từ hình ảnh những anh hùng có thật thời xưa.

D. Là một cậu bé kì lạ mà chỉ có ở thời xa xưa.

Câu 11. Tại sao xếp truyện Thánh Gióng vào thể loại truyền thuyết?

A. Câu chuyện được kể, lưu truyền từ đời này qua đời khác

B. Đó là câu chuyện dân gian về các anh hùng thời xa xưa

C. Đó là câu chuyện liên quan tới nhân vật lịch sử

**D. Câu chuyện tưởng tượng, có nhiều yếu tố hoang đường, kì ảo liên quan tới sự thật lịch sử**

Câu 12. Chi tiết tưởng tượng kì ảo thể hiện trí tưởng tượng chất phác của tác giả dân gian, đúng hay sai?

**A. Đúng**

B. Sai

Câu 13. Truyền thuyết Thánh Gióng, không có sự thật lịch sử nào dưới đây?

A. Ở làng Gióng, đời Hùng Vương thứ sáu

B. Hiện nay vẫn còn đền thờ làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng

**C. Từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi**

D. Lúc bấy giờ, giặc Ân tới xâm phạm tới bờ cõi nước ta

Câu 14. Sự thật lịch sử nào được phản ánh trong truyện Thánh Gióng?

A. Đứa trẻ lên ba không biết nói, không biết cười, cũng chẳng biết đi bỗng trở thành tráng sĩ diệt giặc Ân

B. Tráng sĩ Gióng hi sinh sau khi đánh tan quân giặc Ân

C. Roi sắt gãy, Gióng nhổ tre ngà giết giặc

**D. Ngay từ buổi đầu dựng nước, cha ông ta liên tiếp chống giặc ngoại xâm để bảo vệ non sông đất nước**

Câu 15. Nhân dân ta gửi gắm ước mơ nào trong truyện Thánh Gióng?

A. Vũ khí hiện đại mới có thể tiêu diệt được giặc

**B. Người anh hùng giúp nhân dân diệt giặc**

C. Tinh thần đoàn kết chống xâm lăng là yếu tố cốt lõi

D. Trong chiến tranh, tình làng nghĩa xóm được phát huy

Câu 16: Khi roi sắt gãy, Thánh Gióng đã sử dụng vũ khí gì?

A. Gươm báu

**B. Những cụm tre**

C. Nỏ thần

D. Tay không đánh giặc

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS huy động kiến thức, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động.

- HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập( viết kết nối với đọc).

**b. Nội dung:**GV giao nhiệm vụ cho HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (từ 5 - 7 câu) về một hình ảnh hay hành ðộng của *Thánh Gióng* đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong em?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS viết đoạn văn.

- GV gợi ý:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đọc đoạn văn

- GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

(Tham khảo đoạn văn sau)

*Thánh Gióng là một truyền thuyết giàu ý nghĩa. Truyện có nhiều hình ảnh, hành động, tuy nhiên em ấn tượng nhất là hình ảnh khi roi sắt gãy, Thánh Gióng đã nhổ những bụi tre cạnh đường để đánh giặc. Hình ảnh ấy vừa toát lên sức mạnh phi thường của Thánh Gióng, vừa gợi ra hiệp sức của thiên nhiên, cây cỏ trong cuộc chiến chống giặc ngoại xâm. Có lẽ tình yêu nước không chỉ nằm trong trái tim của mỗi con người mà còn ẩn chứa cả trong những rặng tre ngà để rồi rặng tre ấy kẽo kẹt trong câu thơ của hậu thế:*

*Tre xanh xanh tự bao giờ*

*Mà sao nên lũy nên thành tre ơi*

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 68**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Củng cố kiến thức về: cụm động từ, cụm tính từ; từ ghép và từ láy; biện pháp tu từ so sánh; từ Hán Việt.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ, nắm được nghĩa của một số cụm động từ, cụm tính từ.

+ Biết phân biệt từ ghép, từ láy.

+ Biết sử dụng biện pháp tu từ so sánh khi nói, viết.

+ Phát triển vốn từ Hán Việt.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự giàu đẹp của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV KT dạy học tia chớp, tổ chức cho HS tham gia trò chơi “ Ai nhanh hơn”, hướng vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”:  *Hãy sắp xếp các từ sau vào từ ghép hoặc từ láy: chăm chỉ, băn khoăn, tráng sĩ, làng xóm, ung dung, bầu trời, trong trẻo, sứ giả, so đo, đồi núi.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, sẵn sàng tham gia trò chơi.

- GV gợi ý, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Cá nhân HS tham gia trò chơi.

- HS khác, lắng nghe, nhận xét, điều chỉnh nếu câu trả lời của bạn chưa chính xác.

- GV chốt đáp án:

+ Từ ghép: *làng xóm, bầu trời, sứ giả, tráng sĩ, đồi núi*

*+ Từ láy: chăm chỉ, băn khoăn, ung dung, trong trẻo, so đo*

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về: cụm động từ, cụm tính từ; từ ghép và từ láy; biện pháp tu từ so sánh; từ Hán Việt.

**b. Nội dung:** GV sử dụng kĩ thuật tia chớp, gợi cho HS nhớ khái niệm của 2 biện pháp tu từ so sánh và ẩn dụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv giao nhiệm vụ:  *+ Thế nào là từ ghép và từ láy?*  *+ Gv yêu cầu học sinh hãy ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái cho phù hợp:*  **A B**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cụm từ |  | Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động. | | Tính từ | Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng. | | Động từ | Nhóm, tập hợp nhiều từ | | Từ Hán Việt | Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt, |   *+ GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm: So sánh là gì? Tác dụng của so sánh?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - GV quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời nhanh.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, kết luận. | **I. Củng cố kiến thức**  **1. Từ ghép, từ láy**  - Từ ghép: các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa (bác sĩ, cống hiến, bảo vệ...)  - Từ láy: Các tiếng có quan hệ với nhau về âm (âm thầm, lặng lẽ)  **2. Từ và cụm từ**  - Cụm từ: Nhóm, tập hợp nhiều từ  - Tính từ: Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động.  - Động từ: Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.  - Từ HV: Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt,  **3. So sánh**  So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ, nắm được nghĩa của một số cụm động từ, cụm tính từ.

- Biết phân biệt từ ghép, từ láy.

- Biết sử dụng biện pháp tu từ so sánh khi nói, viết.

- Phát triển vốn từ Hán Việt.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng linh hoạt các PPKTDH hướng dẫn HS thực hành luyện tập.

**-** HS sử dụng SGK, làm việc cá nhân, làm việc nhóm, tiến hành thực hiện các bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài tập đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS kẻ bảng và hoàn thành bài tập.  - HS kẻ bảng và hoàn thành bài tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trình bày kết quả.  - Lớp nhận xét, điều chỉnh.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, KL. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1 trang 9**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Yếu tố HV A | Từ HV A + giả | Nghĩa của từ | | 1 | Tác | Tác giả | Người tạo ra tác phẩm, bài thơ | | 2 | Độc | Độc giả | Người đọc | | 3 | Thính | Thính giả | Người nghe | | 4 | Khán | Khán giả | Người xem | | 5 | Diễn | Diễn giả | Người nói | | 6 | Dịch | Dịch giả | Người dịch tác phẩm sang ngôn ngữ khác | | 7 | Kí | Kí giả | Người tao ra sản phẩm báo chí | | ... | ... | ... | ... | |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi 2 HS lên bảng làm bài tập 2; dưới lớp, HS làm BT vào vở.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức cho HS đánh giá bài làm trên bảng.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, KL. | **Bài tập 2 trang 10**  - Từ ghép: xâm phạm, tài giỏi, lo sợ, gom góp, mặt mũi, đền đáp.  - Từ láy: vội vàng, hoảng hốt. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS: *Thảo luận nhóm bàn, hoàn thành BT3/10*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, ghi kết quả, cử đại diện trả lời.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện bàn trình bày KQ thảo luận.  - Lớp nhận xét, điều chỉnh.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, KL. | **Bài tập 3 trang 10**  - Cụm động từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn /nhanh như thổi, chạy/nhờ.  - Cụm tính từ: chăm/làm ăn |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS: *Thảo luận nhóm tổ, hoàn thành BT4/10*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, ghi kết quả ra bảng phụ.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - 4 tổ treo kết quả lên bảng; các tổ nhận xét chéo.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, KL, HDHS chuẩn bị tiết học tiếp theo. | **Bài 4 trang 10**  - Biện pháp nghệ thuật so sánh: *lớn nhanh như thổi* và *chết như ngả rạ*  ( Cấu trúc: A như B)  - Vận dụng biện pháp tu từ so sánh trong Thánh Gióng  + Giặc Ân chết như ngả rạ  + Thánh Gióng lớn nhanh như thổi |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 69-70**

**SƠN TINH, THỦY TINH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Chủ đề của truyện.

- Đặc điểm cơ bản của thể loại truyện truyền thuyết trong văn bản: các sự kiện thường được kết nối với nhau bởi một chuỗi quan hệ nguyên nhân, kết quả; nhân vật có nhiều đặc điểm kì lạ, có thể có nhiều dấu vết của nhân vật trong thần thoại; lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo; nội dung của truyện cũng có thể hướng đến giải thích nguồn gốc các sự vật, hiện tượng hoặc nguyên nhân của một hiện tượng thời tiết, mùa…

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Xác định được chủ đề của truyện.

+ Nhận biết được đặc điểm cơ bản của thể loại truyện truyền thuyết trong văn bản: các sự kiện thường được kết nối với nhau bởi một chuỗi quan hệ nguyên nhân, kết quả; nhân vật có nhiều đặc điểm kì lạ, có thể có nhiều dấu vết của nhân vật trong thần thoại; lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo; nội dung của truyện cũng có thể hướng đến giải thích nguồn gốc các sự vật, hiện tượng hoặc nguyên nhân của một hiện tượng thời tiết, mùa…

**3. Về phẩm chất:** Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hóa của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, PHT

**2. Học sinh:** SGK, Vở thực hành, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, hướng HS vào bài học.

**c. Sản phẩm:** Hiểu biết của cá nhân HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chiếu các hình ảnh và yêu cầu học sinh:

*+ Quan sát và đoán tên các hiện tượng tự nhiên.*

*+ Chia sẻ trải nghiệm về một hiện tượng mà em đã chứng kiến.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, dự kiến câu trả lời.

- GV gợi ý.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Cá nhân HS chia sẻ.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

- Xác định được chủ đề của truyện.

- Nhận biết được đặc điểm cơ bản của thể loại truyện truyền thuyết trong văn bản: các sự kiện thường được kết nối với nhau bởi một chuỗi quan hệ nguyên nhân, kết quả; nhân vật có nhiều đặc điểm kì lạ, có thể có nhiều dấu vết của nhân vật trong thần thoại; lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo; nội dung của truyện cũng có thể hướng đến giải thích nguồn gốc các sự vật, hiện tượng hoặc nguyên nhân của một hiện tượng thời tiết, mùa…

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT dạy học hợp tác, hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** HDHS đọc- tìm hiểu chung  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GVHDHS:  *+ Đọc, kể tóm tắt văn bản.*  *+ Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chú thích*  *+ Trình bày vài nét về tác phẩm ( thể loại,nhân vật,PTBĐ, ngôi kể, bố cục)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS giải nghĩa từ, trả lời các câu hỏi.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, điều chỉnh cách đọc bài cho HS. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Đọc, kể tóm tắt**  - Vua Hùng kén rể cho Mị Nương  - Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn  - Vua Hùng ra điều kiện chọn rể  - Sơn Tinh đến trước lấy được Mị Nương  - Thủy Tinh đến sau, tức giận, dâng nước đánh Sơn Tinh  - Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua, đành rút quân về  - Hằng năm, Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua  **2. Chú thích**  **3. Văn bản**  - Truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* thuộc thể loại truyền thuyết thời đại Hùng Vương thứ 18.  - Nhân vật chính: Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - PTBĐ: tự sự  - Bố cục: 3 phần  + P1: Từ đầu -> *mỗi thứ một đôi*: Vua Hùng 18 kén rể.  + P2: Tiếp theo -> *Thần nước đành rút lui*: Sơn Tinh đến trước và cuộc giao tranh xảy ra.  + P3: Còn lại: Chiến thắng của Sơn Tinh và sự trả thù hàng năm về sau của Thuỷ Tinh. |
| **\* Nhiệm vụ 2:** HDHS tìm hiểuchi tiết văn bản.  **2.1. Tìm hiểu đặc điểm nhân vật và cuộc kén rể của vua Hùng**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát PHT số 1, yêu cầu HS làm việc nhóm đôi hoàn thiện.  - GV nêu câu hỏi:  *+ Lí do vua Hùng kén rể?*  *+ Sính lễ gồm những gì ?*  *+ Em có nhận xét gì về những sính lễ và thời gian nộp lễ vật?*  *+ Những sính lễ đó có lợi cho thần nào? Vì sao?*  *+ Có ý kiến cho rằng việc vua Hùng đưa sính lễ đều là sản vật trên cạn là sự bất công đối với Thủy Tinh và Sơn Tinh chiến thắng như thế là không thuyết phục. Hãy đưa ra quan điểm của mình về ý kiến trên?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS khai thác văn bản, hoàn thiện PHT  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức cho HS hoạt động.  - Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận-> HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét chiếu KL. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh**  ***a. Đặc điểm nhân vật***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân**  **vật**  **Đặc điểm** | **Sơn Tinh** | **Thuỷ Tinh** | | **Nguồn gốc** | Chúa vùng non cao | Chúa vùng nước thẳm | | **Tài năng** | tài dời núi chuyển đồi | tài hô mưa gọi gió. | | **Nghệ thuật miêu tả** | Nhân vật được giới thiệu bằng các chi tiết nghệ thuật kỳ ảo, bay bổng | | | **Nhận xét về hai nhân vật** | Hai vị thần đều có tài cao phép lạ, ngang tài ngang sức, đều xứng đáng làm rể vua. | |   ***b. Sơn Tinh, Thủy Tinh trong cuộc thi tài kén rể của vua Hùng***  \* Lí do: Vua Hùng kén rể cho Mị Nương- công chúa xinh đẹp, hiền dịu. Vua yêu con, muốn chồng xứng đáng cho con.  -> Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn  \* Vua Hùng thách cưới bằng sính lễ  - Sính lễ  + 100 ván cơm nếp.. bánh chưng.  *+ Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao*  - Thời gian: ai mang đến trước sẽ được cưới Mị Nương  → Lễ vật kì lạ, khó kiếm, thời gian gấp gáp làm tăng thêm sự kịch tính, là điều kiện để nhân vật bộc lộ tài năng.  - Sính lễ có lợi cho Sơn Tinh vì đó là các sản vật nơi núi rừng, thuộc đất đai của Sơn Tinh.  => Sự thiên vị của vua Hùng thể hiện thái độ của người Việt cổ với núi rừng và lũ lụt.  + Núi rừng là bạn bè, là ân nhân, đem lại nhiều ích lợi cho con người,…  + Lũ lụt là kẻ thù, chỉ đem lại tai hoạ cho con người. |
| **2.2. Tìm hiểu cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát PHT số 2, yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn hàn thiện.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo đọc văn bản, thảo luận nhóm, ghi lại kết quả.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức cho HS hoạt động.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận-> nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét chiếu KL. | ***c. Cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Thủy Tinh*** | ***Sơn Tinh*** | | ***Nguyên nhân*** | *Sơn Tinh mang lễ vật đến trước, lấy được Mị Nương. Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng dâng nước đánh Sơn Tinh. (nguyên nhân mang tính cá nhân)* | | | ***Diễn biến*** | *- Hô mưa gọi gió làm thành giông bão, rung chuyển đất trời, nước sông cuồn cuộn, ngập tràn nhà cửa, ruộng đồng,…* | *- Không hề nao núng, bốc từng quả đồi...dời.. dựng thành luỹ...*  *- Sơn Tinh không hề run sợ, tinh thần bền bỉ, chống cự kiên cường, quyết liệt, càng đánh càng mạnh.* | | ***Kết quả*** | *Thủy Tinh thua cuộc* | *- Sơn Tinh thắng (Nước dâng lên bao nhiêu...bấy nhiêu)* | | *Hai nhân vật giao tranh vì lí do cá nhân, nhưng việc Thủy Tinh dâng nước lên đánh Sơn Tinh làm ngập nhà cửa, khiến thành Phong Châu nổi lềnh bềnh trên một biển nước. ST giao chiến với TT vì lí do cá nhân, nhưng cũng đồng thời để ngăn chặn một thảm họa thiên nhiên, bảo vệ sự sống cho con người, cỏ cây, súc vật. Vì thế khi ST chiến thắng TT thì ST là một anh hùng của cộng đồng* | | | |
| **2.3. Tìm hiểu mối quan hệ giữa truyền thuyết và hiện tượng thời tiết**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Cuộc giao tranh kết thúc nhưng mối thâm thù của Thủy Tinh với Sơn Tinh tiếp tục được miêu tả như thế nào?*  *+ Có ý kiến cho rằng chi tiết: “Hằng năm Thuỷ Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh” không cần thiết vì nó thể hiện sự cố chấp của Thủy Tinh. Em có đồng tình với ý kiến đó không? Vì sao?*  *+ Trong truyền thuyết, hiện tượng lũ lụt hằng năm là do Thủy Tinh đánh ghen với Sơn Tinh mà ra. Theo em, trên thực tế hiện tượng lũ lụt hiện nay do đâu mà ra? Có ý kiến cho rằng lũ lụt ngày càng tàn khốc vì sự nổi giận của “Mẹ thiên nhiên”. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ, định hướng  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động  - HS báo cáo sản phẩm, hs khác phản biện, bổ sung ý kiến  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv chốt lại kiến thức | **2. Mối quan hệ giữa truyền thuyết và hiện tượng thời tiết**  - Hằng năm, TT dâng nước đánh ST để cướp lại Mị Nương  - Nhưng không năm nào TT thắng đành rút quân về.  => Đây chính là lời giải thích cho hiện tượng lũ lụt hằng năm ở vùng núi Tản Viên thuộc lưu vực sông Đà và sông Hồng |
| **2.3. Tìm hiểu chủ đề của truyện**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ ST, TT có phải là nhân vật có thật không? Các tác giả dân gian xây dựng nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh nhằm biểu trưng cho đối tượng nào?*  *+ Nếu như kết thúc truyện là TT thắng ST thì có được không ? Vì sao?(\*)*  *+ Chủ đề của truyện ST, TT là gì?*  *+ Bằng trải nghiệm của mình, hãy chỉ ra những thiệt hại do bão lũ gây ra để hiểu hơn vì sao người Việt từ xưa đến nay lại luôn khao khát chế ngự thiên tai?(\*)*  *+ Kể tên những dự án chứng tỏ chế ngự được tự nhiên*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ, định hướng  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động  - HS báo cáo sản phẩm, hs khác phản biện, bổ sung ý kiến  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv chốt lại kiến thức  (\*) Không thể kết truyện như vậy. Vì TT thắng thì có nghĩa là đất đai nhà cửa sẽ ngập chìm trong nước, con người sẽ không thể nào sống sót  (\*) Thiệt hại tính mạng, nhà cửa bị nhấn chìm, cuốn trôi, hoa màu bị ngập lụt, cầu cống, đê điều bị tàn phá, dẫn đến sạt lở (13 chiến sĩ đã hi sinh ở thủy điện Rào Trăng 3 do mưa lũ, sạt lở) | **3. Chủ đề của truyện**  - ST, TT là những nhân vật hư cấu hoang đường, kì ảo do người xưa tưởng tượng ra.  - Ý nghĩa biểu trưng của nhân vật  + Thủy Tinh : biểu trưng cho sức mạnh của nước, là hiện tượng lũ lụt được hình tượng hóa  + Sơn Tinh : biểu trưng cho đất, núi, là sức mạnh của, khả năng, mơ ước của nhân dân được hình tượng hóa  → Chủ đề của truyện: Ca ngợi, đề cao và tôn vinh sức mạnh, chiến công của người Việt cổ trong công cuộc chống bão lụt, và mơ ước chế ngự thiên tai để phát triển trồng trọt, chăn nuôi, ổn định cuộc sống và xây dựng đất nước. |
| **\* Nhiệm vụ 3: Tổng kết bài học**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  *<?> Khái quát nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa bài?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm bàn, rút ra kết luận.  - GV gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm khái quát nội dung, ý nghĩa.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  Truyện được xây dựng bằng trí tưởng tượng hồn nhiên với những yếu tố hoang đường kì lạ,có sức hấp dẫn để giải thích hiện tượng tự nhiên.  **2. Nội dung- Ý nghĩa:**  - *Nội dung*: Truyện giải thích hiện tượng mưa bão lũ lụt xảy ra hàng năm ở đồng bằng Bắc Bộ thuở các vua Hùng dựng nước.  - *Ý nghĩa*: Thể hiện sức mạnh và ước mơ chế ngự thiên tai bảo vệ cuộc sống của người Việt cổ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV sử dụng câu hỏi trắc nghiệm, hướng dẫn HS củng cố bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1.** Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh bao gồm những nhân vật nào?

A. Sơn Tinh, Thủy Tinh.

B. Sơn Tinh, Thủy Tinh, Mị Nương,

C. Sơn Tinh, Thũy Tinh, Vua Hùng.

**D. Sơn Tinh, Thủy Tinh, Mị Nương, Vua Hùng.**

**Câu 2.** Câu nào dưới đây không nói về công chúa Mị Nương?

**A. Có nhiều phép thuật tinh thông, từng giúp nhân dân diệt trừ yêu ma.**

B. Là con gái của Hùng Vương thứ mười tám, được vua cha hết mực yêu thương và muốn kén chồng xứng đáng cho nàng.

C. Là người đẹp như hoa.

D. Là người có tính nết rất hiền dịu.

**Câu 3**. Điều nào dưới đây trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh nói về nhân vật Sơn Tinh?

A. Ở núi Tản Viên, có sức khỏe phi thường.

B. Có nhiều phép lạ.

C. Là Thần Núi.

**D. Cả A, B và C đều đúng.**

**Câu 4.** Trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh, nhân vật Thủy Tinh có tài gì?

A. Dời non lấp bể.

B. Diệt trừ yêu ma quỷ quái.

**C. Gọi gió gió đến, hô mưa mưa về.**

D. Biến hóa khôn lường.

**Câu 5**. Trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh, vua Hùng đã chọn cách nào để kén chồng cho Mị Nương?

A. Tổ chức thi tài võ nghệ, ai đánh thắng đối thủ thì sẽ cưới Mị Nương.

**B. Quy định ngày giờ đem lễ vật kì lạ đến, ai đến trước sẽ được cưới Mị Nương.**

C. Ai dâng lên những thứ ngon vật lạ làm vua Hùng hài lòng thì cưới được Mị Nương.

D. Ai bắt được quả cầu vàng do Mị Nương tung xuống thì sẽ cưới nàng làm vợ.

**Câu 6.** Vua Hùng đã thách cưới ST,TT bằng những lễ vật gì?

A. Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng.

B. Chín ngà voi, chín cựa gà, chín ngựa hồng mao.

**C. Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi.**

D. Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi.

**Câu 7.** Chi tiết nào sau đây trong truyện Sơn Tỉnh, Thủy Tinh không mang yếu tố tưởng tượng kì ảo?

**A. Hằng năm ở nước ta thường xuyên có những trận lũ lớn.**

B. Sơn Tinh có tài dời non lấp biển.

C. Thủy Tinh có tài hô mưa gọi gió, làm nên lũ lụt.

D. Sơn Tinh và Thủy Tinh đánh nhau ròng rã mấy tháng trời.

**Câu 8**. Thủy Tinh có thái độ như thế nào khi không cưới được Mị Nương?

A. Buồn rầu và thất vọng.

B. Chấp nhận thất bại và chúc mừng Sơn Tinh.

**C. Vô cùng tức giận, đem quân đuổi theo đánh Sơn Tinh để cướp lại Mị Nương.**

D. Vô cùng tức giận và buộc vua Hùng phải hủy bỏ hôn ước giữa Sơn Tinh và Mị Nương.

**Câu 9**. Ý nghĩa của truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh là gì?

A. Giải thích hiện tượng lũ lụt ở nước ta hằng năm.

B. Thể hiện ước nguyện của con người trong việc chế ngự thiên nhiên.

C. Ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.

**D. Cả A, B và C đều đúng.**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS huy động kiến thức, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động.

- HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập( viết kết nối với đọc).

**b. Nội dung:**GV giao nhiệm vụ cho HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV giao nhiệm vụ: *Đây là tưởng tượng của nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp về hình ảnh Sơn Tinh, Thủy Tinh:*

*Sơn Tinh có một mắt ở trán*

*Thủy tinh râu ria quăn xanh rì*

*Một thần phi bạch hổ trên cạn*

*Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi*

*Điều này cho thấy, từ những thông tin về nhân vật trong câu chuyện, mỗi chúng ta có thể tưởng tượng ra ngoài hình của nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh theo cách riêng. Hãy ghi lại tưởng tượng của em bằng một đoạn văn (khoảng 5-7 câu)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS viết đoạn văn.

- GV gợi ý:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đọc đoạn văn

- GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

(Tham khảo đoạn văn sau)

Khi đọc truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh, mỗi người đều có tưởng tượng riêng về ngoại hình của Sơn Tinh và Thủy Tinh. Trong trí tưởng tượng của em, Sơn Tinh là một vị thần có khuôn mặt khôi ngô, cơ thể vạm vỡ và cường tráng. Không chỉ vậy, ở vị thần này còn toát ra khí thế phi thường. Sơn Tinh có thể dời núi, lấp biển. Tài năng của Thủy Tinh cũng không thua kém. Thần có thể hô mưa gọi gió. Nhưng khuôn mặt lại toát lên vẻ hung ác, không mấy thiện cảm. Hai vị thần đều vô cùng tài năng.

- GVkhuyến khích học sinh tự nhận biết: Những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản *Thánh Gióng* và *Sơn Tinh,Thủy Tinh.*

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 71**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Dấu chấm phẩy

- Phép điệp ngữ

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được công dụng của dấu chấm phẩy và biết sử dụng dấu chấm phẩy trong việc viết câu và đoạn văn.

+ Nhận biết được cấu tạo của từ HV có yếu tố thuỷ (nước) nhằm phát triển vốn từ HV; nhận biết được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng xuất hiện trong văn bản đọc hiểu.

+ Củng cố kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ qua việc tìm những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ cũng như chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ này.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV KT dạy học tia chớp, tổ chức cho HS huy động hiểu biết cá nhân, hướng vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu bài thơ và yêu cầu HS điền từ còn thiếu vào câu thơ (các từ còn thiếu là các dấu câu)

## **Những dấu câu ơi!**

Cảm ơn các bạn dấu câu

Không là chữ cái nhưng đâu bé người

**…** thường thấy ai ơi

Tách biệt từng ý đọc thời ngắt ra

**…** trọn vẹn câu mà

Không biết dùng sẽ dây cà, dây khoai.

**…** phân cách làm hai

Sau bổ sung trước mới tài làm sao

**…** tình cảm dạt dào

Khiến sai, đề nghị lẽ nào làm ngơ

**…** giỏi đến bất ngờ

Hỏi ai hay chính thẫn thờ hỏi ta

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc bài thơ, suy nghĩ, dự kiến câu trả lời.

- GV gợi ý, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

## - Cá nhân HS trả lời: dấu phấy,dấu chấm; chấm phẩy; chấm than; chấm hỏi.

- HS khác, lắng nghe, nhận xét câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được công dụng của dấu chấm phẩy.

**b. Nội dung:** GV sử dụng SGK, hướng dẫn HS khai thác ngữ liệu, hình thành kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Em hãy nêu hiểu biết của mình về dấu chấm phẩy?*  *+ Tìm dấu chấm phẩy trong câu sau và nêu tác dụng*  *a. Én bố mẹ tấp nập đi về; én anh chị rập rờn bay đôi; én ra ràng chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá*  *b. Cốm không phải là thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ.*  (Thạch Lam)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi.  - GV quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời nhanh.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Dấu chấm phẩy**  - Công dụng: dùng để ngắt các thành phần lớn trong một câu, thường các thành phần này có quan hệ đồng đẳng, mang tính liệt kê.  - Vị trí: đặt ở cuối |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được công dụng của dấu chấm phẩy và biết sử dụng dấu chấm phẩy trong việc viết câu và đoạn văn.

- Nhận biết được cấu tạo của từ HV có yếu tố thuỷ (nước) nhằm phát triển vốn từ HV; nhận biết được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng xuất hiện trong văn bản đọc hiểu.

- Củng cố kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ qua việc tìm những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ cũng như chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ này.

**b. Nội dung:**

- Gv tổ chức hướng dẫn HS thực hành luyện tập.

**-** HS sử dụng SGK, thảo luận nhóm, tiến hành làm các bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đoạn văn, thảo luận nhóm, trình bày nhận xét về vị trí, công dụng của dấu chấm phẩy trog đoạn văn, tương quan của hai bộ phận trước và sau dấu chấm phẩy.  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận ;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1**  *Một người ở núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh*  *-* Tác dụng của dấu câu: Dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liên kết phức tạp*.* |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 2  GV hướng dẫn HS: để viết đoạn văn cần trả lời hai câu hỏi  *+ Em dự định viết đoạn văn chủ đề gì?*  *+ Em dự định dùng dấu chấm phẩy ở chỗ nào, câu nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, viết đoạn văn vào vở.  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đọc đoạn văn.  - Hs khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, đánh giá. | **Bài 2:**  *Đến Huế, thật là may mắn khi được nghe những điệu hò, điệu lí ngay trong một con thuyền bồng bềnh trên sông Hương. Huế là quê hương của hò đối đáp, hò giã gạo, hò xay lúa, hò ru em… Huế cũng là nơi có nhiều điệu lí: lí con sáo, lí hoài xuân, lí hoài nam, và rất nhiều làn điệu dân ca khác như nam bình, nam ai, nam xuân, tương tư khúc,… Trong âm điệu của ca Huế, có biết bao nhiêu là ý tình của người dân cố đô. Có bài sôi nổi, tươi vui; có bài bâng khuâng, tha thiết; lại cũng có bài nghe như tiếc thương, ai oán,… Có lẽ vì thế mà có người nói rằng, đến Huế mà không nghe ca Huế thì cũng là chưa biết gì về Huế.* |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS sử dụng bảng nhóm,thảo luận BT3  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Nhóm lớn thảo luận, ghi kết quả vào bảng.  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm treo bảng kết quả.  - Các nhóm nhận xeys chéo.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, đánh giá, kết luận. | **Bài 3**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Yếu tố HV A | Từ HV thuỷ+A | Nghĩa của từ | | 1 | Cư | Thuỷ cư | Sống ở trong nước | | 2 | quái | Thuỷ quái | Quái vật sống dưới nước | |  | ..... | ...... | ....... | |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4, thảo luận nhóm bàn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV gợi ý: dựa vào VB đọc có chứa các từ ngữ liên quan đến các thành ngữ để hiểu ý nghĩa của chúng.  - HS thảo luận, thống nhất kết quả.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện bàn trả lời.  - Các bàn khác nhận xét chéo.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, kết luận. | **Bài 4**  - Hô mưa gọi gió: người có sức mạnh siêu nhiên, có thể làm được những điều kỳ diệu, to lớn  - Oán nặng thù sâu: sự hận thù sâu sắc, khắc cốt ghi tâm, ghi nhớ ở trong lòng, không bao giờ quên được.  Thành ngữ được tạo nên bằng cách đan xen các từ ngữ theo cách tương tự đó là: Góp gió thành bão, đội trời đạp đất, dãi nắng dầm mưa, chân cứng đá mềm, chém to kho mặn. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 5,thảo luận cặp đôi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận hoàn thành BT.  - GV nhắc lại kiến thức: BPTT điệp ngữ dùng để liệt kê, nhấn mạnh, gây ấn tượng với người đọc, người nghe.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả thảo luận.  - HS khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, kết luận. | **Bài 5**  *- Một người là chúa miền non cao, một người là vua vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể Vua Hùng,* nhấn mạnh sự ngang tài ngang sức, mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.  *- Một người ở vùng núi Tản Viên, có tài lạ: vẫy tay* ***về*** *phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.* [...] *Một người ở miền biển, tài năngcũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa* ***về:*** liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì.  *- Nước ngập ruộng đồng nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước:* liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh, sự tức giận của Thuỷ Tinh. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV chuyển giao nhiệm vụ: *Viết đoạn văn (5-7 câu) sử dụng phép tu từ điệp ngữ.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

- Gv quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh đọc đoạn văn.

- Lớp lắng nghe, cùng nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh băn khoăn, chốt lại kiến thức; hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 72-73-74**

**VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN**

**( MỘT SINH HOẠT VĂN HÓA)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Yêu cầu của bài vănthuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá).

- Cách viết một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá).

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được yêu cầu của bài vănthuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá).

+ Biết cách viết một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá).

+ Viết được bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá).

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ, tích cực, tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Định hướng đến nội dung trọng tâm của bài học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng kĩ thuật dạy học nêu vấn đề, đặt câu hỏi, định hướng HS nhiệm vụ trọng tâm của bài học.

- HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu vấn đề:

*<?> Hãy kể tên những lễ hội, những sinh hoạt văn hóa của tỉnh Tuyên Quang mà em có dịp chứng kiến hoặc tham gia ?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, dự kiến câu trả lời.

- GV quan sát, định hướng.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh chia sẻ hiểu biết của cá nhân.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

+ Nhận biết được yêu cầu của bài vănthuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá).

+ Biết cách viết một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá).

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức hướng dẫn HS khám phá bài học bằng các PP- KT dạy học nêu vấn đề, hợp tác.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc cá nhân, kết hợp thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: HDHS phân tích bài viết tham khảo.**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn theo những câu hỏi sau:  *+ Vì sao em biết VB này sử dụng ngôi kể thứ nhất?*  *+ Phần nào đoạn nào của bài viết giới thiệu về sự kiện?*  *+ Những chi tiết nào giới thiệu về bối cảnh để người đọc hiểu về sự kiện?*  *+ Bài viết tường thuật theo trình tự nào?*  *+ Những từ ngữ nào thể hiện nhận xét, đánh giá của người viết trước sự kiện được tường thuật?*  *+ Lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin, thảo luận, dự kiến câu trả lời.  - HS khai thác SGK, tiến hành thảo luận, ghi lại kết quả.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện bàn trình bày kết quả thảo luận-> nhận xét, bổ sung.  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình, chuyển giao nhiệm vụ khác. | **1. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  - Người thuyết minh xưng “tôi”: *trường tôi, tôi được tham gia, tối được thấy lẩn đầu tiên,...*  + Phần mở đầu đã giới thiệu bối cảnh, mục đích tổ chức hội chợ xuân.  + Thời gian: cuối năm âm lịch, sắp đến Tết; không gian: trong sân trường; diễn biến sự kiện: toàn bộ quá trình diễn ra hội chợ xuân từ việc chuẩn bị đến ngày diễn ra hội chợ, các hoạt động được tổ chức trong sân trường vào ngày hôm đó: khai mạc, hoạt động mua bán, vui choi,...  + Trật tự thời gian: *8 giờ sáng, sau, liền sau đó, đồng thời, 6 giờ chiều;* trình tự nguyên nhân - kết quả: chuẩn bị -> khai mạc -> diễn biến -> kết thúc  + *ấn tượng rất sâu sắc; cảm nhận; kỉ niệm đáng nhớ; được sống trong một bầu không khí rộn rã, vui tươi;...* |
| **\* NV2: HDHS tìm hiểu yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Từ việc phân tích bài viết tham khảo, GV nêu câu hỏi:  *+ Theo em, yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa).?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa trên kết quả đã có ở nhiệm vụ 1, kết hợp khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức ( màn hình). | **2. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện**  - Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp.  - Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian).  - Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí.  - Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc.  - Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**  Viết được bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá).

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng linh hoạt PP- KT dạy học, hướng dẫn HS thực hành theo các bước.

- HS dựa trên sự hướng dẫn của GV, làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết đã được chỉnh sửa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: Trước khi viết**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  + Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.  + GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo gợi ý:   * *Sự kiện gì?* * *Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì?* * *Sự kiện xảy ra khi nào? Ở đâu?* * *Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?* * *Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?* * *Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?*   + GV yêu cầu HS căn cứ vào các ý đã tìm được, bám sát dàn ý SGK để lập dàn ý cho bài viết của mình.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.  - GV quan sát, gợi ý, tháo gỡ khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân trả lời các câu hỏi; đại diện trình bày dàn ý.  - Lớp theo dõi, nhận xét, điều chỉnh.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận..  **\* NV2. Viết bài và chỉnh sửa bài viết**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  + Y*êu cầu học sinh viết thành một bài văn hoàn chỉnh ( 1 tiết )*  *+ Hướng dẫn dùng bảng kiểm( SGK/19) để kiểm tra, điều chỉnh bài viết của mình và của bạn; lớp dùng bảng kiểm để nhận xét chung 3-5 bài ( 1 tiết).*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân viết bài văn dựa trên gợi ý và bảng kiểm; làm việc cặp đôi chỉnh sửa bài viết cho nhau.  - GV lưu ý HS theo mục 2-3/ SGK/19.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 3-4 HS đọc bài văn.  - Lớp lắng nghe, theo dõi, đánh giá dựa theo bảng kiểm ( SGK/19).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, hướng dẫn HS chuẩn bị bài: *Nói và nghe: Kể lại một truyền thuyết.* | **3. Thực hành viết**  **a. Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý  **b. Viết bài, chỉnh sửa bài viết**  - Dựa bào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh  - Cần đảm bảo đặc điểm của kiểu bài thuyết minh về một sự kiện |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  |  |

**Tiết 75**

**NÓI VÀ NGHE:**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Cách kể lại một truyện truyền thuyết

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Chọn được truyền thuyết cần kể.

+ Biết kể lại truyền thuyết một cách đầy đủ, chính xác, hấp dẫn.

+ Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói là người nắm rõ câu chuyện, tường thuật theo lối kể thông thường.

**3. Về phẩm chất**

- Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hóa của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, bảng kiểm

**2. Học sinh:** SGK, chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng kĩ thuật dạy học nêu vấn đề, hướng HS đến mục tiêu bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu câu hỏi:

*<?> Em được học/ đọc/ nghe truyền thuyết nào? Nếu phải kể lại truyện đó, em thấy khó khăn gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, huy động kiến thức, dự kiến câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi HS chia sẻ cá nhân.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

* GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Chọn được truyền thuyết cần kể.

- Biết kể lại truyền thuyết một cách đầy đủ, chính xác, hấp dẫn.

- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói là người nắm rõ câu chuyện, tường thuật theo lối kể thông thường.

**b. Nội dung:**

- HS sử dụng SGK, nội dung đã được chuẩn bị để tiến hành theo các bước.

- GV sử dụng SGK, bảng kiểm HDHS hoàn thiện bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của HS; bảng kiểm đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*NV1:** HDHS chuẩn bị trước khi nói  ( Nhiệm vụ này, GV giao cho HS chuẩn bị trước ở nhà; khi lên lớp, tiến hành nhanh).  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Xác định mục đích nói và người nghe.*  *+ Chuẩn bị nội dung nói:*  *. Chọn truyền thuyết và ngôi kể.*  *. Tóm tắt câu chuyện*  *. Xác định từ ngữ then chốt và giọng kể phù hợp.*  *+ Luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, hướng dẫn HS chuẩn bị.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm chuẩn bị nội dung và luyện nói.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ những khó khăn, vướng mắc khi luyện nói ở trong nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá tinh thần làm việc của các nhóm. | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Xác định mục đích nói và người người nghe.  - Chuẩn bị nội dung nói:  + Chọn truyền thuyết và ngôi kể.  + Tóm tắt câu chuyện  + Xác định từ ngữ then chốt và giọng kể phù hợp.  - Tập luyện |
| **\*NV2:** HDHS trình bày bài nói  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Nhắc học sinh một số lưu ý ( SGK/20-21)  + Gợi ý để HS đánh giá bài nói ( nội dung; giọng kể, cách kể...)  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và chuẩn bị nội dung nói ( các nhóm cử đại diện nói tốt nhất để trình bày trước lớp).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày bài nói.  - GV, HS lắng nghe, đánh giá.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi. | **2. Trình bày bài nói**  - Tự tin, thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói.  - Bám sát vào mục đích nói  - Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói cho phù hợp  - Không nên kể dàn trải.  - Có thể sử dụng các ghi chú  - Khuyến khích sử dụng các phương tiện sẵn có (tranh ảnh, kỉ vật…) về các địa danh liên quan đến bài nói |
| **\* NV3:** HDHS đánh giá bài nói  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh hoàn thiện phiếu đánh giá và nhận xét bài nói của bạn.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thiện phiếu.  - Gv quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động đánh giá chung.  - HS:  + Yêu cầu người nói kể lại hay làm rõ những chi tiết liên quan đến các sự việc được kể.  + Nêu nhận xét về bài kể ( từ ngữ, giọng kể, độ chính xác về nội dung…)  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, kết luận các yêu cầu của bài nói; yêu cầu HS về nhà:  + Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (em có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…)  + Chuẩn bị cho tiết học sau. | **3. Sau khi nói** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt***  *(Dưới 5đ)* | ***Đạt***  *(Từ 5-7 điểm)* | ***Tốt***  *(Từ 8-10 điểm)* |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa biết lựa chọn truyền thuyết. | Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng. | Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc truyền cảm, hào sảng, trầm lắng.. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |